

Số: /SNN&PTNT-CCKL

Thanh Hóa, ngày tháng 9 năm 2024

V/v tiếp tục tăng cường công tác quản lý và bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên theo pháp luật về bảo vệ môi trường.

Kính gửi: Sở Tài nguyên và Môi trường.

Sở Nông nghiệp và PTNT nhận được Công văn số 8003/STNMT-BVMT ngày 04/9/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc tiếp tục tăng cường công tác quản lý và bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên theo pháp luật về bảo vệ môi trường; trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao Sở Nông nghiệp và PTNT rà soát, tổng hợp như sau:

**1. Rà soát, tổng hợp, đánh giá và báo cáo bổ sung kết quả thực hiện các quy định pháp luật về quản lý và bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên**

- Hiện nay có 06 di sản thiên nhiên được giao quản lý trực tiếp tại các đơn vị, bao gồm: 01 Vườn Quốc gia Bến En; 03 Khu dự trữ thiên nhiên: Xuân Liên, Pù Hu, Pù Luông; 02 Bảo tồn loài - sinh cảnh: Khu bảo tồn loài Sến Tam Quy, Khu bảo tồn các loài hạt trần quý hiếm Nam Động thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT, với tổng diện tích 80.494 ha.

- Về tổ chức quản lý di sản thiên nhiên và hiện trạng năng lực của các ban quản lý, tổ chức được giao quản lý di sản thiên nhiên (nguồn nhân lực, tài chính, trang thiết bị, cơ sở vật chất kỹ thuật...).

+ Nguồn nhân lực.

\* Tổng số cán bộ: 212 người; trong đó: Công chức: 70 người; Viên chức: 115 người; Lao động hợp đồng: 27 người.

\* Phân theo trình độ chuyên môn: Tiến sĩ: 01 người; Thạc sĩ: 23 người; Đại học: 174 người; Cao đẳng, trung cấp: 14 người.

+ Nguồn tài chính.

\* Tổng kinh phí được giao năm 2024: 69.920.400.000 đồng; trong đó: kinh phí quản lý hành chính: 41.692.000.000 đồng; kinh phí thực hiện các chương trình đề tài, dự án, nhiệm vụ: 28.228.400.000 đồng.

+ Trang thiết bị, cơ sở vật chất kỹ thuật hiện có tại các ban quản lý di sản thiên nhiên: Nhà quản lý điều hành: 15 nhà, với tổng diện tích 8.417,01 m<sup>2</sup>; Nhà trạm: 43 nhà, với tổng diện tích 7.969,73 m<sup>2</sup>; Phương tiện, trang thiết bị: 07 ô tô; 55 xe máy; 16 canô, tàu tuần tra.

(chi tiết theo phụ biểu 01)

## **2. Cung cấp, bổ sung, hiệu chỉnh thông tin các di sản thiên nhiên**

*(chi tiết theo phụ biểu 02)*

## **3. Các đề xuất, kiến nghị để thúc đẩy công tác quản lý và bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên**

Đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Xem xét, cân đối, bố trí kinh phí từ nguồn sự nghiệp bảo vệ môi trường hỗ trợ các đơn vị được giao quản lý di sản thiên nhiên xây dựng Đề án chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên theo quy định tại khoản 5, Điều 124, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Tổ chức các lớp tập huấn nâng cao năng lực quản lý và bảo vệ môi trường cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động các đơn vị được giao quản lý di sản thiên nhiên; hướng dẫn, chỉ đạo, tổ chức các hoạt động bảo vệ môi trường tại các di sản thiên nhiên.

Đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, tổng hợp, báo cáo theo quy định./.

### ***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Giám đốc Sở (b/cáo);
- Lưu: VT, CCKL.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Lê Đức Thuận**

**Phụ biểu 01: Hiện trạng, năng lực của các Ban quản lý hoặc tổ chức được giao quản lý di sản thiên nhiên (nguồn nhân lực, tài chính, trang thiết bị, cơ sở vật chất kỹ thuật...)**

STT	Tên di sản	Nguồn nhân lực	Tài chính 2024 (đồng)	Trang thiết bị, cơ sở vật chất kỹ thuật
1	Vườn Quốc gia Bến En	55 người (công chức 15 người; viên chức 34 người; LĐHĐ 06 người) trong đó trình độ chuyên môn: Thạc sĩ 04 người; Đại học 45 người; Cao đẳng, Trung cấp 06 người.	16.852.000.000 (Kinh phí QLHC: 10.132.000.000; Kinh phí thực hiện các Đề tài, dự án 6.720.000.000)	- Nhà quản lý điều hành: 04 nhà, tổng diện tích 2.265 m <sup>2</sup> . - Nhà trạm: 08 trạm, tổng diện tích 784 m <sup>2</sup> . - Phương tiện: 02 ô tô; 12 xe máy; 10 tàu tuần tra bảo vệ rừng. - Máy móc trang thiết bị: 12 máy tính; 01 máy chiếu; 01 máy photocopy; 06 máy ảnh; 10 máy bẫy ảnh; 12 máy phát thực bì; 18 máy GPS; 08 máy bơm chữa cháy; 10 máy thổi gió.
2	Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hu	36 người (công chức 19 người; viên chức 17 người) trong đó trình độ chuyên môn: Tiến sĩ 01 người; Thạc sĩ 05 người; Đại học 28 người; Trung cấp 02 người.	18.415.400.000 (Kinh phí QLHC: 7.390.000.000; Kinh phí thực hiện các Đề tài, dự án 11.025.400.000)	- Nhà quản lý, điều hành: Số lượng: 01, diện tích: 753,9 m <sup>2</sup> . - Nhà trạm: Số lượng: 07, diện tích: 751,09 m <sup>2</sup> . - Phương tiện: Ô tô: 01 cái; xe máy: 22 cái. - Máy móc, thiết bị: 06 máy in; 06 ống nhòm; 08 máy định vị GPS; 01 bình xịt chữa cháy; 08 Loa cầm tay; 01 máy cắt thực bì 02 cân điện tử.
3	Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông	25 người (công chức 8 người; viên chức 17 người) trong đó trình độ chuyên môn: Thạc sĩ 02 người; Đại học 20 người; Cao đẳng, Trung cấp 03 người.	11.546.000.000 (Kinh phí QLHC: 5.754.000.000; Kinh phí thực hiện các Đề tài, dự án 5.792.000.000)	- Nhà quản lý điều hành: 02 trụ sở, tổng diện tích 2.542,9 m <sup>2</sup> - Nhà trạm: 06 trạm, tổng diện tích 1.268,1 m <sup>2</sup> - Phương tiện: 01 ô tô; 06 xe máy. - Máy móc, trang thiết bị: 74 loại.
4	Khu bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên	38 người (công chức 17 người; viên chức 21 người) trong đó trình độ chuyên môn: Thạc sĩ 06 người; Đại học 31 người; Cao	17.960.000.000 (Kinh phí QLHC: 16.080.000.000; Kinh phí thực hiện các chương trình 1.880.000.000)	- Nhà quản lý điều hành: 06 trụ sở, tổng diện tích 2.283,61 m <sup>2</sup> - Nhà trạm: 09 trạm, tổng diện tích 3.546,44 m <sup>2</sup> - Phương tiện: 01 ô tô; 11 xe máy; 03 ca nô, xuồng

		đăng, Trung cấp 01 người.		cao tốc; 03 thuyền máy; - Máy móc trang thiết bị: 07 máy tính; 01 máy chiếu; 01 máy Scan; 04 máy ảnh; 02 máy ghi âm; 02 máy phát điện; 17 máy GPS; 05 ống nhôm; 16 máy bẫy ảnh; 01 máy quay phim; 01 cửa xăng.
5	Khu bảo tồn các loài hạt trần quý, hiếm Nam Động	22 người (công chức 11 người; viên chức 09 người; LĐHĐ 02 người) trong đó trình độ chuyên môn: Thạc sĩ 02 người; Đại học 18 người; Cao đẳng, Trung cấp 02 người.	2.811.000.000 (Kinh phí QLHC: 0; Kinh phí thực hiện các chương trình 2.811.000.000)	- Nhà quản lý điều hành: 01 khu, diện tích: 152 m <sup>2</sup> . - Nhà trạm: 04 khu, diện tích: 744,3 m <sup>2</sup> . - Phương tiện: Ô tô 01 cái; xe máy 04 cái. - Máy móc thiết bị: Máy tính 08 cái; máy in 08 cái; Máy định vị GPS 08 cái, ống nhôm 02 cái; cửa xăng 02 cái; máy nổ 01 cái. - 01 phòng tiêu bản động thực vật khu bảo tồn...
6	Khu bảo tồn loài Sến Tam Quy	36 người (công chức 0 người; viên chức 17 người; LĐHĐ 19 người) trong đó trình độ chuyên môn: Thạc sĩ 04 người; Đại học 32 người; Cao đẳng, Trung cấp 0 người	2.336.000.000 (Kinh phí QLHC: 2.336.000.000; Kinh phí thực hiện các Đề tài, dự án: 0)	- Nhà quản lý, điều hành: 01 nhà, diện tích nhà: 419,6 m <sup>2</sup> ; - Nhà trạm: 09 nhà, tổng diện tích: 875,8 m <sup>2</sup> ; - Phương tiện: 01 ô tô; - Máy móc, thiết bị: 11 máy tính, 06 máy in, 03 máy định vị GPS.
<b>Tổng</b>		<b>212 người</b> (Công chức 70 người; viên chức 115 người; LĐHĐ 27 người) trong đó trình độ chuyên môn: 01 Tiến sĩ; 23 Thạc sĩ; 174 Đại học; 14 Cao đẳng, trung cấp)	<b>69.920.400.000</b> (Kinh phí QLHC: 41.692.000.000; Kinh phí thực hiện các Đề tài, dự án 28.228.400.000)	

**Phụ biểu 02. Tổng hợp, bổ sung, hiệu chỉnh thông tin các di sản thiên nhiên (tên di sản, vị trí, danh hiệu, văn bản công nhận, quyết định thành lập, diện tích...)**

STT	Tên Di sản thiên nhiên	Vị trí (xã, huyện, tỉnh)	Danh hiệu/ loại hình	Văn bản công nhận/ Quyết định thành lập <i>Theo từng văn bản công nhận</i>			Diện tích (ha)	Cơ quan chủ quản	Ý kiến hiệu chỉnh	Ghi chú
				Số Văn bản	Ngày ban hành	Cơ quan ban hành				
1	Vườn Quốc gia Bến En	Thị trấn Bến Sung, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa.	VQG	Quyết định số 33/CT	07/7/1962	Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng	12.033,00	Sở Nông nghiệp và PTNT	14.305	Căn cứ Quyết định số 895/QĐ-TTg ngày 24/8/2024 về việc phê duyệt Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050
2	Khu BTTN Pù Hu	Thị trấn Hội Xuân, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa.	DTTN	Quyết định số 447/QĐ-UBND	20/3/1999	Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa	23.028,20	Sở Nông nghiệp và PTNT	24.201	
3	Khu BTTN Pù Luông	Xã Thành Sơn, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa.	DTTN	Quyết định số 742/QĐ-UBND	24/4/1999	Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa	16.902,30	Sở Nông nghiệp và PTNT	17.006	
4	Khu BTTN Xuân Liên	Thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa.	DTTN	Quyết định số 1476/QĐ-UBND	15/6/2000	Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa	23.475,00	Sở Nông nghiệp và PTNT	23.816	
5	Khu bảo tồn các loài hạt trần quý, hiếm Nam Động	Xã Nam Động, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa.	BTL&SC	Quyết định số 87/QĐ-UBND	08/01/2014	Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa	502,84	Sở Nông nghiệp và PTNT	647	
6	Khu bảo tồn loài Sến Tam Quy	Huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.	BTL&SC	Quyết định số 1766/QĐ-UBND	13/7/2001	Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa	518,5	Sở Nông nghiệp và PTNT	519	
<b>Tổng cộng</b>							<b>76.459,84</b>		<b>80.494,00</b>	

